

Bản án số: 21/2019/HS-ST

Ngày: 04-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hoài

Bà Nguyễn Thị Tùng Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về “Phần dân sự trong vụ án hình sự” giữa:

*** Nguyên đơn dân sự:** Ban quản lý Khu A tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ: Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Tất T - Trưởng ban (Vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lương Sỹ Đ - Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp (Có mặt).

*** Bị đơn dân sự:**

1. Lê Anh T; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Trần Nam Q (); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Trần Công D (C); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Trần Xuân D; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Nguyễn Đình T (L); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

6. Nguyễn Đ (P); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

7. Chu Thị L; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

8. Lê Văn S (H); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

9. Trần Văn S (H); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

10. Nguyễn Văn T (C); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

11. Trần Xuân T (A); địa chỉ: TDP T, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

12. Cao Thị H; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

13. Lê Hữu D (đã mất); người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị T; địa chỉ: TDP H, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

14. Nguyễn Thị D; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

15. Trần H (đã mất); người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị D; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.

16. Chu L (T); địa chỉ: TDP H, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 17. Chu Văn T (đã mất); người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị L; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 18. Chu Văn H (H); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 19. Nguyễn Đình X; địa chỉ: TDP T, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 20. Cao Đ (T); địa chỉ: TDP H, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 21. Nguyễn Tiến H (Sáu); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 22. Lê Văn T (H); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 23. Trần Đình T (V); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 24. Nguyễn Đình N; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 25. Trần Đình N; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 26. Trần Công H; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 27. Nguyễn Thị T; địa chỉ: TDP H, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 28. Trần Trọng M (D); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 29. Lê Hữu M (đã mất); người đại diện theo pháp luật: Trần Thị H; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 30. Lê Thị T; địa chỉ: TDP H, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 31. Lê Xuân L (H); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 32. Trần Đình X (T); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 33. Trần Đình H (N); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 34. Trần Hiếu (đã mất); người đại diện theo pháp luật: Hồ Thị Lịch; địa chỉ: TDP Liên Giang, phường Kỳ Long, TX Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
 35. Nguyễn L (T); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 36. Nguyễn K (V); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 37. Phạm Xuân S (T); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 38. Dương Văn Q; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 39. Lê Hồng V (K); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 40. Lê Xuân N (X); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 41. Nguyễn Xuân T (X); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 42. Nguyễn Đình C; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 43. Nguyễn Đình T (T); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 44. Nguyễn Hoài V (H); địa chỉ: Thôn C, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 45. Nguyễn Văn S (K); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 46. Nguyễn Văn T (Cúc); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 47. Nguyễn Xuân H (D); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 48. Phan Văn T (M); địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 49. Trần Đình C; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 50. Trần Trọng T; địa chỉ: TDP L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
 51. Trần Văn P (D); địa chỉ: TDP T, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh.
- Các bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà, không có lý do.*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Hồng Q; sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (đang thi hành án tại Trại giam Xuân Hà), có mặt.
2. Lê Huy H; sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (đang thi hành án tại Trại giam Xuân Hà), có mặt.

3. Lê Thị Hồng V; sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

4. Nguyễn Văn D; sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường K, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

5. Nguyễn Việt Đ; sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường S, Thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh và Phòng tài nguyên môi trường thị xã Kỳ Anh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Quốc H - Phụ trách phòng tài nguyên và môi trường thị xã K, có mặt.

8. Ủy ban nhân dân phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Công T - Phó chủ tịch, có mặt.

9. Trường THCS K, phường K, thị xã K, vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Hoài S; địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

11. Ông Trần Hữu P, sinh năm 1982; địa chỉ: tổ dân phố L, phường K, TX K, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2011 đến tháng 8/2012, quá trình giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án xây dựng khu công nghiệp P thuộc khu Kinh tế V, huyện K (nay là Thị xã K) trên địa bàn xã K, việc kiểm tra, kiểm đếm xác định thực trạng sử dụng đất của các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án P để làm căn cứ bồi thường thì Nguyễn Hồng Q, Lê Huy H và Nguyễn Văn D (đều là thành viên trong Hội đồng bồi thường dự án của huyện K) đã cùng với Lê Hữu D, Lê Thị Hồng V (thời điểm đó Lê Hữu D là chủ tịch, Lê Thị Hồng V là cán bộ địa chính xã K) cố ý xác định loại đất không đúng hiện trạng thực tế 68 thửa của 52 hộ dân với diện tích 268,586m² từ đất lâm nghiệp thành đất nông nghiệp rồi áp giá bồi thường cao hơn để được các hộ dân đồng thuận nhanh chóng bàn giao đất, đã gây thất thoát cho ngân sách nhà nước 7.770.197.320 đồng.

Đối với Nguyễn Việt Đ - phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường phụ trách dự án P, có nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng hồ sơ bồi thường, ký các hồ sơ và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng bồi thường và trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ bồi thường. Tuy nhiên, khi phụ trách kiểm kê cho 38 hộ còn lại, Nguyễn Việt Đ chưa thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ được phân công như: không chỉ đạo sát sao quá trình xây dựng hồ sơ bồi thường của tổ kiểm kê; không liên hệ với chính quyền địa phương để kiểm tra kết quả xác định nguồn gốc đất; khi ký hồ sơ bồi thường không kiểm tra, soát xét để phát hiện các sai phạm. Do tin tưởng vào báo cáo của các cán bộ kiểm kê, Nguyễn Việt Đ đã ký các hồ sơ bồi thường do tổ kiểm kê xây dựng sai nhưng không phát hiện được, trực tiếp ký biên bản kiểm kê của 12 thửa

đất có sai phạm từ loại “đất lâm nghiệp” thành “đất nông nghiệp”, dẫn đến gây thất thoát ngân sách Nhà nước số tiền 1.288.715.781 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm số 718/2018/HSPT ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã áp dụng khoản 3 Điều 165, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 (áp dụng thêm Điều 60 BLHS đối với 2 bị cáo V và D) xử phạt: bị cáo Nguyễn Hồng Q 6 năm tù; Lê Huy H 3 năm tù; Lê Thị Hồng V 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 60 tháng; Nguyễn Văn D 2 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 48 tháng.

Về phần trách nhiệm dân sự: Số tiền thất thoát 7.770.197.320 đồng là do các hộ dân được hưởng không đúng pháp luật, tức là được hưởng nhiều hơn số tiền thực chất, mà lẽ ra các hộ dân chỉ được hưởng thực tế về hiện trạng của đất nếu các bị cáo này không cố ý làm trái. Các hộ dân này đều có địa chỉ cụ thể, rõ ràng nên cần phải buộc họ hoàn trả lại khoản tiền họ được hưởng do các bị cáo gây ra để trả lại cho nguyên đơn dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 275 và Điều 579 BLDS 2015.

Do đó, áp dụng Điều 250 BLTTHS: Hủy phần trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự Nguyễn Hồng Q cùng đồng phạm phạm tội “*Cố ý làm trái các quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” và tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” để điều tra, xét xử lại.

Trên cơ sở kết quả điều tra lại phản ánh: Sau khi bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực, các bị cáo trong vụ án gồm: Nguyễn Hồng Q, Lê Huy H, Lê Thị Hồng V và Nguyễn Văn D và Nguyễn Việt Đ hiện đang chấp hành án theo quy định của pháp luật.

Về phần trách nhiệm dân sự giữa nguyên đơn dân sự là Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh với bị đơn dân sự là 52 hộ dân (theo kết quả điều tra lại xác định 52 hộ dân thành 51 hộ dân vì có 1 hộ dân hai thửa nên gộp lại tính 1 hộ, về số thửa không thay đổi) thì trong đó 50 hộ dân có hộ khẩu tại phường K, Thị xã Kỳ Anh còn 1 hộ có hộ khẩu tại xã K, huyện Kỳ Anh.

Kết quả điều tra phản ánh: 50 hộ dân tại xã Kỳ Long và 01 hộ dân trú tại xã Kỳ Châu đã nhận 9.113.128.070 đồng do được bồi thường 68 thửa đất màu. Thực tế, 68 thửa đất này trồng keo, trăm bạch đàn, theo đúng quy định chỉ được bồi thường đất lâm nghiệp số tiền 1.342.930.750 đồng. Khoản tiền chênh lệch 7.770.197.320 đồng các hộ dân được hưởng lợi do hành vi cố ý làm trái và thiếu trách nhiệm của các bị cáo và nay các bị cáo đã phải chịu trách nhiệm hình sự. Quá trình lấy lời khai, các hộ dân đều khẳng định quá trình lập hồ sơ bồi thường có tham gia kiểm kê, quá trình thực hiện, cán bộ Hội đồng bồi thường lập biên bản kiểm kê chỉ ghi chữ “đất”, chưa phản ánh loại đất gì nhưng đúng diện tích. Theo hướng dẫn và yêu cầu của các cán bộ Hội đồng bồi thường, các hộ dân ký xác nhận vào vị trí chủ hộ. Các hộ dân nhận đủ số tiền bồi thường 68 thửa đất tổng số tiền 9.113.128.070 đồng theo hồ sơ, bao gồm 7.770.197.320 đồng tiền chênh lệch khi chuyển đổi loại đất (*thể hiện cụ thể ở Bảng kê dưới đây*):

STT	Họ và Tên	Bản đồ	Số thửa	Diện tích chuyển từ RSM sang BHK (m2)	Bồi thường giá đất màu	Bồi thường đất lâm nghiệp	Chênh lệch
1	LÊ ANH TRÂM	2	234A	7,495.1	254,308,743	37,475,500	216,833,243
2	TRẦN NAM QUYNH (HÀNG)	2	117A	720.0	24,429,600	3,600,000	20,829,600
3	TRẦN CÔNG DUYỄN (CHÂU)	2	15	8,510.3	288,754,479	42,551,500	246,202,979
4	TRẦN XUÂN DANH	2	186, 162B, 211C	1,917.7	65,067,561	9,588,500	55,479,061
5	NGUYỄN ĐÌNH THUẬN (LÝ)	2	234B	548.6	18,613,998	2,743,000	15,870,998
6	NGUYỄN ĐIỀU (PHƯƠNG)	2	117B	3,127.1	106,102,503	15,635,500	90,467,003
7	CHU THỊ LÀI	2	211B	418.2	14,189,526	2,091,000	12,098,526
8	LÊ VĂN SÁNH (HƯỜNG)	2	236A	889.7	30,187,521	4,448,500	25,739,021
9	TRẦN VĂN SƠN (HÀ)	1	404	3,446.8	116,949,924	17,234,000	99,715,924
10	NGUYỄN VĂN THÀNH (CÚC)	1	31	196.7	6,674,031	983,500	5,690,531
11	TRẦN XUÂN THÀNH (ANH)	2	162A	693.8	23,540,634	3,469,000	20,071,634
12	CAO THỊ THANH	2	297B, 297C	5,117.8	173,646,954	25,589,000	148,057,954
13	LÊ HỮU DIỆN	1	508A	3,964.3	134,507,003	19,821,250	114,685,753
14	NGUYỄN THỊ DƯƠNG	1	505	2,769.2	93,958,956	13,846,000	80,112,956
15	TRẦN HỌC (ĐIỀN)	2	185	4,484.1	152,145,513	22,420,500	129,725,013
16	CHU LỘC (THỤ)	2	250C	11,164.8	378,821,664	55,824,000	322,997,664
17	CHU VĂN TẶNG (LÝ)	2	250A				
		2	250D				
18	CHU VĂN HẢI (HOÀI)	2	250E				
19	NGUYỄN ĐÌNH XUYN		250F				
		2	(43,8 m2)				
20	CAO ĐỨC (TÂM)	2	250B				
		2	281	2,014.0	68,335,020	10,070,000	58,265,020

21	NGUYỄN TIẾN HANH (SÁU)	2	111	5,751.0	195,131,430	28,755,000	166,376,430
22	LÊ VĂN TÚC (HÀNG)	2	268, 313	14,950.9	507,284,037	74,754,500	432,529,537
23	TRẦN ĐÌNH THIÊN	2	350A	2,660.0	90,253,800	13,300,000	76,953,800
24	NGUYỄN ĐÌNH NHIÊN	1.2	1- 356; 2- 134	27,293.9	926,080,331	136,469,250	789,611,081
25	TRẦN ĐÌNH NHÂM	1	137B	500.0	16,965,000	2,500,000	14,465,000
26	TRẦN CÔNG HẠNH	2	347	7,586.4	257,406,552	37,932,000	219,474,552
27	NGUYỄN THỊ TUYẾT	1	508B, 488	8,942.3	303,410,543	44,711,250	258,699,293
28	TRẦN TRỌNG MỈNH (DIỆU)	2	164	21,744.0	737,773,920	108,720,000	629,053,920
29	LÊ HỮU MINH (HỢP)	1	439	1,779.7	60,385,221	8,898,500	51,486,721
30	LÊ THỊ TÍN	1	137A	13,209.9	448,211,907	66,049,500	382,162,407
31	LÊ XUÂN LÝ (HIỀN)	2	211A	2,450.0	83,128,500	12,250,000	70,878,500
32	TRẦN ĐÌNH XUÂN (TUYẾT)	2	223A	2,030.5	68,894,865	10,152,500	58,742,365
33	TRẦN ĐÌNH HẢI (NINH)	2	223B	2,030.5	68,894,865	10,152,500	58,742,365
34	TRẦN HIỆU (LỊCH)	2	223C	2,030.5	68,894,865	10,152,500	58,742,365
35	NGUYỄN LÚY (TIẾN)	2	325, 297A, 236B	8,630.9	292,846,437	43,154,500	249,691,937
36	NGUYỄN KIẾN (VÂN)	2	184	2,826.6	95,906,538	14,133,000	81,773,538
37	PHẠM XUÂN SÁNG (TUYẾT)	2	223D	5,691.1	193,099,023	28,455,500	164,643,523
38	DƯƠNG VĂN QUẾ	1	403A	4,080.0	138,434,400	20,400,000	118,034,400
39	LÊ HỒNG VIỆT (KHANH)	1	301, 328	2,513.3	85,276,269	12,566,500	72,709,769
40	LÊ XUÂN NGUYỄN (XUÂN)	1	454, 456B	1,769.7	60,045,921	8,848,500	51,197,421
41	Lê Xuân Nguyên (Xuân) + Nguyễn Xuân Thám (Xuân)	1	494	1,695.5	57,528,315	8,477,500	49,050,815
42	NGUYỄN ĐÌNH CHƯƠng	1	482A	4,000.7	135,743,751	20,003,500	115,740,251

43	NGUYỄN ĐÌNH THANH (THỦY)	1	487	180.9	6,137,937	904,500	5,233,437
44	NGUYỄN HOÀI VĂN (HẢO)	1	456A	8,000.0	271,440,000	40,000,000	231,440,000
45	NGUYỄN VĂN SÁNG (KỶ)	1	456C, 474	3,962.8	134,457,804	19,814,000	114,643,804
46	NGUYỄN VĂN TUẤN	1	458A	5,368.6	182,156,598	26,843,000	155,313,598
47	NGUYỄN XUÂN HÒA (DUYÊN)	1	453B	15,273.2	518,219,676	76,366,000	441,853,676
48	PHAN VĂN TIẾN	1	339, 353, 354, 386	12,631.9	428,600,367	63,159,500	365,440,867
49	TRẦN ĐÌNH CHUNG	1	277B	3,000.0	101,790,000	15,000,000	86,790,000
50	TRẦN TRỌNG THỂ (ANH)	1	453A	15,006.2	509,160,366	75,031,000	434,129,366
51	TRẦN VĂN PHÚ (DUÂN)	1	277A, 297	3,517.1	119,335,203	17,585,500	101,749,703
	TỔNG			68,586.2	9,113,128,070	1,342,930,750	7,770,197,320

Trong 68 thửa theo Bảng kê trên, có thửa 250 tờ bản đồ số 2, quá trình lập hồ sơ bồi thường được tách thành 6 thửa cho 5 hộ gồm: Chu L (250C), Chu Văn T (250A, 250D), Chu Văn H (250E), Nguyễn Đình X (250F), Cao Đ (250B). Thực tế thửa đất này bao gồm cả đất màu và đất lâm nghiệp. Khi chuyển đổi loại đất cho các hộ này, các đối tượng xác định toàn bộ thửa đất 250 là đất màu, không trích đo lại trên bản đồ để xác định vị trí, chỉ chia đất trên hồ sơ nên không thể xác định rõ sai phạm và khoản tiền chênh lệch từng hộ dân hưởng lợi, chỉ xác định được tổng tiền chênh lệch cho toàn bộ thửa đất 250 là 322,997,664 đồng.

Thửa đất số 494 tờ bản đồ số 01, được tách cho 2 hộ Lê Xuân N (494A) và Nguyễn Xuân T (494B), chỉ có cơ sở để xác định tổng tiền chênh lệch của cả thửa là 49,050,815 đồng, không thể xác định được khoản chênh lệch đối với từng thửa nhỏ đã tách cho từng hộ.

Trong vụ án này, ngoài phân xác định trách nhiệm hình sự, dân sự như đã nêu trên còn có một số nội dung liên quan cần giải quyết, cụ thể:

- Số tiền 20.395.500 đồng mà Tòa án nhân dân cấp cao yêu cầu kiểm tra, xác minh để xử lý.

Số tiền 20.395.000 đồng là tiền nằm trong tổng số tiền 220.395.000 đồng do các bị cáo Lê Hữu D, Nguyễn Hồng Q, Lê Huy H, Lê Thị Hồng V đã thống nhất với ông Trần Hữu P làm lại hồ sơ bồi thường của ông P nâng không khối lượng bồi thường từ 1.386.576.800 đồng lên 1.606.972.300 đồng, vượt so với thực tế là 220.395.000 đồng. Sau khi nhận được tiền bồi thường 1.606.972.300 đồng, ông Trần Hữu P đã trích giao lại cho trường THCS K 200.000.000 đồng, còn lại 20.395.000 đồng là tiền chênh lệch ông P được hưởng so với thực tế. Kết

quả giám định phản ánh: Đối với số tiền 200.000.000đồng ông Trần Hữu P giao lại cho Trường THCS K, Trường THCS K chỉ sử dụng thanh toán nợ vay phục vụ lễ đón nhận danh hiệu Trường chuẩn quốc gia 62 triệu đồng và chi tham quan thực tế, học hỏi mô hình phục vụ giảng dạy 138 triệu đồng; tuy nhiên, tại thời điểm giám định, giám định viên không có hồ sơ quyết toán các khoản chi nói trên, cho nên không đủ cơ sở để giám định và kết luận thất thoát vốn ngân sách nhà nước, còn đối với số tiền 20.395.500 đồng do nâng khối lượng bồi thường mà ông Trần Hữu P giữ lại được coi là đã thất thoát vốn NSNN.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 20.395.500 đồng do ông Trần Hữu P nộp, tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án nhưng chưa giải quyết số tiền này, nay đề nghị Tòa án tuyên trả lại cho Ban quản lý khu A tỉnh Hà Tĩnh số tiền 20.395.000 đồng hiện số tiền này đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

- Số tiền 257.743.156 đồng mà bị cáo Nguyễn Việt Đ đã nộp để khắc phục hậu quả:

Hiện tại bị cáo Nguyễn Việt Đ đã thi hành xong phần bồi thường của mình theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2017 với số tiền là 257.743.156 đồng. Tuy nhiên, tại Bản án hình sự phúc thẩm cho rằng các bị cáo phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của mình, không phải chịu về phần bồi thường trách nhiệm dân sự, vì thế nên xét thấy cần phải trả lại số tiền này cho bị cáo Nguyễn Việt Đ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại kết luận số 900/KL-VKS ngày 06/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh buộc các hộ dân nói trên phải có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền hưởng lợi 7.770.197.320 đồng cho nguyên đơn dân sự là Ban quản lý Khu A Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 579 Bộ luật dân sự 2015; buộc ông Trần Hữu Phước trả lại cho Ban quản lý khu A tỉnh Hà Tĩnh số tiền 20.395.000 đồng; tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Việt Đ số tiền 257.743.156 đồng mà bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để khắc phục hậu quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị đơn dân sự trả lại cho Ban quản lý Khu kinh tế Hà Tĩnh số tiền cụ thể như tại Kết luận số 900/KL-VKS ngày 06/6/2018 và buộc phải chịu án phí HSST và án phí dân sự theo quy định của pháp luật; trả lại cho Nguyễn Việt Đ số tiền 257.743.156đồng nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để khắc phục hậu quả; trả lại cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh đối với số tiền 20.395.500đồng do ông Trần Hữu P nộp lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 718/2018/HSPT ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại phần dân sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về phần hình phạt: Bị cáo Nguyễn Việt Đ sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo nên quyết định về phần hình phạt của Bản án sơ thẩm số 01/2017/HSST ngày 15/02/2017 của TAND tỉnh Hà Tĩnh đối với bị cáo Đ có hiệu lực pháp luật. Quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 718/2017/HSPT ngày 17/10/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Nguyễn Hồng Q, Lê Huy H, Lê Thị Hồng V, Nguyễn Văn D về phần hình phạt. Các bị cáo đang thi hành bản án.

[2.2] Về phần trách nhiệm dân sự:

[2.2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm, thấy rằng: Các bị cáo có hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, kiểm kê, kê khai sai loại đất từ đất lâm nghiệp thành đất nông nghiệp dẫn đến bồi thường sai theo quy định pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Nguyễn Việt Đ, Nguyễn Hồng Q, Lê Huy H, Lê Thị Hồng V, Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền mà các bị cáo đã gây thiệt hại cho Nhà nước do hành vi cố ý làm trái các quy định về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng với tổng số tiền 7.770.197.320 đồng là không đúng quy định của pháp luật bởi vì: Số tiền thất thoát 7.770.197.320 đồng là do các hộ dân được hưởng không đúng pháp luật, tức là được hưởng nhiều hơn số tiền thực chất, mà lẽ ra các hộ dân chỉ được hưởng thực tế về hiện trạng của đất nếu các bị cáo này không cố ý làm trái. Thời điểm xảy ra vụ án, trên địa bàn huyện K có hàng trăm dự án cần đẩy nhanh tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng. Các bị cáo vì sức ép công việc chung, muốn giải phóng mặt bằng nhanh nên bồi thường mức cao hơn có lợi cho dân, không hưởng lợi cá nhân.

Các hộ dân này đều có địa chỉ cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, cần buộc các hộ dân phải có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền hưởng lợi này cho nguyên đơn dân sự là Ban quản lý Khu A Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 599 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 579 Bộ luật dân sự 2015) như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 599 BLDS 2005, quy định:

1. Người chiếm hữu, người sử dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật thì phải hoàn trả cho chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp tài sản đó; nếu không tìm được chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp tài sản đó thì phải giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 247 của Bộ luật này.

2. Người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật làm cho người khác bị thiệt hại thì phải hoàn trả khoản lợi đó cho người bị thiệt hại, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 247 của Bộ luật này.

Điều 579 BLDS 2015, quy định:

1. Người chiếm hữu, người sử dụng tài sản của người khác mà không có căn cứ pháp luật thì phải hoàn trả cho chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản đó...

2. Người được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật làm cho người khác bị thiệt hại thì phải hoàn trả khoản lợi đó cho người bị thiệt hại, trừ trường hợp quy định tại Điều 236 của Bộ luật này.

[2.2.2] Các bị cáo có hành vi cố ý làm trái thì các bị cáo đã phải chịu trách nhiệm hình sự nên không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước (do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh đại diện). Bị cáo Nguyễn Việt Đ đã tự nguyện khắc phục số tiền 257.743.156 đồng (nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh) nên cần tuyên trả cho bị cáo số tiền này.

[2.2.3] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 20.395.500 đồng do ông Trần Hữu P nộp, tại bản án hình sự sơ thẩm xét xử vụ án chưa tuyên giải quyết số tiền này. Đây là số tiền mà ông Trần Hữu P được hưởng không đúng pháp luật (hưởng nhiều hơn số tiền thực chất lẽ ra ông Phước được hưởng) nên Viện KSND tỉnh Hà Tĩnh đề nghị tuyên trả lại cho Ban quản lý khu A tỉnh Hà Tĩnh đối với số tiền 20.395.500 đồng hiện đang tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh là có căn cứ.

[2.2.4] Đối với 07 hộ dân (05 hộ được chia từ thửa 250, gồm: Chu L, Chu Văn T, Chu Văn H, Cao Đ, Nguyễn Đình X và 2 hộ được chia từ thửa 494, gồm: Lê Xuân N và Nguyễn Xuân T) do khi Hội đồng bồi thường lập hồ sơ bồi thường đã xác định toàn bộ thửa đất 250 và 494 là đất màu và không tiến hành trích đo lại trên bản đồ để xác định vị trí, chỉ chia đất trên hồ sơ nên không thể xác định rõ sai phạm và khoản tiền chênh lệch từng hộ dân hưởng lợi, chỉ xác định được tổng tiền chênh lệch cho toàn bộ thửa đất 250 là: 322.997.664 đồng và thửa đất 494 là 49.050.815 đồng. Vì thế, nên trong số tiền xác định thất thoát 7.770.197.320 đồng của 68 thửa đất có 372.048.479 đồng là tiền của 2 thửa đất 250 và 494. Quá trình điều tra do không cơ sở để xác định trách nhiệm dân sự của từng hộ dân là bao nhiêu trong tổng số tiền 372.048.479 đồng để yêu cầu bồi hoàn lại theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra tách nội dung liên quan đến 2 thửa đất này để tiếp tục điều tra xử lý sau là có căn cứ.

Về án phí: Trong vụ án này, phần dân sự bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội huỷ để xét xử lại theo quy định của pháp luật. Xét thấy, các bị đơn dân sự trong vụ án không có lỗi đối với việc được hưởng phần chênh lệch số tiền được trả, lỗi này thuộc về những người có thẩm quyền trong việc thực thi nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng. Mặt khác, số tiền chênh lệch các hộ được hưởng là biện pháp tư pháp trong vụ án hình sự, nếu giải quyết trong cùng vụ án hình sự thì sẽ bị truy thu theo quy định của pháp luật. Vì vậy, các bị đơn dân sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền chênh lệch họ phải trả lại cho nguyên đơn dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2017); Điều 599 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 579 Bộ luật dân sự năm 2015).

* Buộc các bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn Ban quản lý Khu A tỉnh Hà Tĩnh tổng số tiền **7.398.148.841 đồng**, cụ thể như sau:

1. Buộc Lê Anh T hoàn trả số tiền 216.833.243 đồng.
2. Buộc Trần Nam Q hoàn trả số tiền 20.829.600 đồng.
3. Buộc Trần Công D hoàn trả số tiền 246.202.979 đồng.

4. Buộc Trần Xuân D hoàn trả số tiền 55.479.061đồng.
5. Buộc Nguyễn Đình T hoàn trả số tiền 15.870.998đồng.
6. Buộc Nguyễn Đ hoàn trả số tiền 90.467.003đồng.
7. Buộc Chu Thị L hoàn trả số tiền 12.098.526đồng.
8. Buộc Lê Văn S (H) hoàn trả số tiền 25.739.021đồng.
9. Buộc Trần Văn S hoàn trả số tiền 99.715.924đồng.
10. Buộc Nguyễn Văn T hoàn trả số tiền 5.690.531đồng.
11. Buộc Trần Xuân T hoàn trả số tiền 20.071.634đồng.
12. Buộc Cao Thị H hoàn trả số tiền 148.057.954đồng.
13. Buộc Lê Hữu D (đã mất); người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị T hoàn trả số tiền 114.685.753đồng.
14. Buộc Nguyễn Thị D hoàn trả số tiền 80.112.956đồng.
15. Buộc Trần H (đã mất); người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị D hoàn trả số tiền 129.725.013đồng.
16. Buộc Cao Đ hoàn trả số tiền 58.265.020đồng
17. Buộc Nguyễn Tiến H hoàn trả số tiền 166.376.000đồng.
18. Buộc Lê Văn T hoàn trả số tiền 432.529.537đồng.
19. Buộc Trần Đình T hoàn trả số tiền 76.953.800đồng.
20. Buộc Nguyễn Đình N hoàn trả số tiền 789.611.081đồng.
21. Buộc Trần Đình N hoàn trả số tiền 14.465.000đồng.
22. Buộc Trần Công H hoàn trả số tiền 219.474.552đồng.
23. Buộc Nguyễn Thị T hoàn trả số tiền 258.699.293đồng.
24. Buộc Trần Trọng M hoàn trả số tiền 629.053.920đồng.
25. Buộc Lê Hữu M (đã mất); người đại diện theo pháp luật: Trần Thị H hoàn trả số tiền 51.486.721đồng.
26. Buộc Lê Thị T hoàn trả số tiền 382.162.407đồng.
27. Buộc Lê Xuân L hoàn trả số tiền 70.878.500đồng.
28. Buộc Trần Đình X hoàn trả số tiền 58.742.365đồng.
29. Buộc Trần Đình H hoàn trả số tiền 58.742.365đồng.
30. Buộc Trần H; người đại diện theo pháp luật: Hồ Thị L hoàn trả số tiền 58.742.365đồng.
31. Buộc Nguyễn L hoàn trả số tiền 249.691.937đồng.
32. Buộc Nguyễn K hoàn trả số tiền 81.773.538đồng.
33. Buộc Phạm Xuân S hoàn trả số tiền 164.643.523đồng.
34. Buộc Dương Văn Q hoàn trả số tiền 118.034.400đồng.
35. Buộc Lê Hồng V hoàn trả số tiền 72.709.769đồng.
36. Buộc Lê Xuân N hoàn trả số tiền 51.197.421đồng.
37. Buộc Nguyễn Đình C hoàn trả số tiền 115.740.251đồng.
38. Buộc Nguyễn Đình T hoàn trả số tiền 5.233.437đồng.
39. Buộc Nguyễn Hoài V hoàn trả số tiền 231.440.000đồng.
40. Buộc Nguyễn Văn S hoàn trả số tiền 114.643.804đồng.
41. Buộc Nguyễn Văn T hoàn trả số tiền 155.313.598đồng.
42. Buộc Nguyễn Xuân H hoàn trả số tiền 441.853.676đồng.
43. Buộc Phan Văn T hoàn trả số tiền 365.440.867đồng.
44. Buộc Trần Đình C hoàn trả số tiền 86.790.000đồng.
45. Buộc Trần Trọng T hoàn trả số tiền 434.129.366đồng..

46. Buộc Trần Văn P hoàn trả số tiền 101.749.703đồng.

* Trả lại cho Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Hà Tĩnh đối với số tiền 20.395.500đồng do ông Trần Hữu P nộp lại, hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 39.49.0.9042282.00000 của Công an tỉnh Hà Tĩnh theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 16/12/2015.

* Trả lại cho Nguyễn Việt Đ số tiền 257.743.156đồng nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để khắc phục hậu quả theo biên lai số 0005259 ngày 23/12/2016, số 0005262 ngày 04/01/2017 và số 0005267 ngày 29/3/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành bản án có quyền yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành bản án chưa thi hành án thì phải chịu thêm khoản lãi theo lãi suất theo điều 305 của BLTTDS (theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định) tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 3 Điều 21, điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị đơn dân sự mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho Nguyễn Việt Đ số tiền 3.087.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000253 ngày 29/3/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh.
- Cục THA.DS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng lý lịch Tư pháp - Sở Tư pháp;
- PV27; PC 46 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSPA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Đào

